

Số: 346/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 379/2026/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau đây:

- Anh Chu Ngọc S; sinh năm: 1995; Số CCCD: 038095032550, cấp ngày 19/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

- Chị Trịnh Thị L; sinh năm: 1999; Số CCCD: 038199025101, cấp ngày 29/11/2024; nơi cấp: Bộ Công an.

Cùng địa chỉ: Thôn Yên Trung 2, xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Ngọc S và chị Trịnh Thị L chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Trung, huyện Yên Định (nay là xã Yên Trường), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 28/3/2019, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau; hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể cải thiện được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2025, nay

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S, chị L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, xét thấy yêu cầu của anh S, chị L là tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Anh Chu Ngọc S và chị Trịnh Thị L công nhận vợ chồng có hai con chung là Chu Thị Anh Thư, sinh ngày 22/04/2020 và Chu Ngọc Tuệ Nhi, sinh ngày 01/4/2024. Khi ly hôn anh S, chị L thỏa thuận giao cháu Tuệ Nhi cho anh S được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Anh Thư cho chị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. anh S, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom các con không ai được ngăn cấm, cản trở. Việc anh S, chị L tự nguyện thỏa thuận về nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ: Anh Chu Ngọc S và chị Trịnh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Chu Ngọc S tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí Tòa án theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Chu Ngọc S và chị Trịnh Thị L.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Anh Chu Ngọc S và chị Trịnh Thị L công nhận vợ chồng có hai con chung là Chu Thị Anh Thư, sinh ngày 22/04/2020 và Chu Ngọc Tuệ Nhi, sinh ngày 01/4/2024. Khi ly hôn anh S, chị L thỏa thuận giao cháu Tuệ Nhi cho anh S được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Anh Thư cho chị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh S, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom các con không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ:

Anh Chu Ngọc S và chị Trịnh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Chu Ngọc S tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí việc dân

sự là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh S đã nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số: 0000721 ngày 22/7/2026, số tiền này được trừ vào số tiền lệ phí Tòa án mà anh S phải nộp, theo đó anh S đã thực hiện xong nghĩa vụ về lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- UBND xã Yên Trường;
- Lưu hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN

Hoàng Văn Long